

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN
LIÊN VIỆT**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

Được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng
cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý
có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Ngân hàng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Dương Công Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hường	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Nguyễn Đức Cừ	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Huynh	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Nhiên	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Doãn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Tô Văn Chánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Gấm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Sỹ Thắng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2014)
Bà Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Nam Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Gấm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 1 năm 2014)
Ông Vũ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Mai	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2014)
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Bùi Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2014)
Ông Phạm Hải Âu	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Doãn Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Số: 274 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (gọi tắt là “Ngân hàng”) được lập ngày 15 tháng 8 năm 2014, từ trang 4 đến trang 65. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Ngân hàng và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 15 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1291-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02/TCTD
Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A.	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt tại quỹ	5	345.888	206.590
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	6	1.106.155	6.560.356
III.	Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	7	6.954.647	11.812.527
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác		5.881.838	10.571.763
2.	Cho vay các TCTD khác		1.072.809	1.240.764
IV.	Chứng khoán kinh doanh		1	1
1.	Chứng khoán kinh doanh		1	1
V.	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	-	1.015
VI.	Cho vay khách hàng		31.125.435	28.954.142
1.	Cho vay khách hàng	9	31.638.921	29.548.005
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(513.486)	(593.863)
VII.	Chứng khoán đầu tư		27.852.473	22.107.865
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	27.490.072	21.799.028
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.3	408.752	357.986
3.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	12	(46.351)	(49.149)
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn		24.731	24.731
1.	Đầu tư dài hạn khác	13	24.731	24.731
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
IX.	Tài sản cố định		945.702	809.898
1.	Tài sản cố định hữu hình	14	605.763	479.197
a.	Nguyên giá TSCĐ		864.187	697.695
b.	Hao mòn TSCĐ		(258.424)	(218.498)
2.	Tài sản cố định vô hình	15	339.939	330.701
a.	Nguyên giá TSCĐ		380.421	366.527
b.	Hao mòn TSCĐ		(40.482)	(35.826)
X.	Tài sản Có khác		14.452.338	9.117.116
1.	Các khoản phải thu khác	16	11.413.772	6.652.489
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		2.446.500	1.836.829
3.	Tài sản Có khác	17	595.107	627.798
	- Trong đó: Lợi thế thương mại		484.447	519.050
4.	Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(3.041)	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ			82.807.370	79.594.241

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 65 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02/TCTD
Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
B.	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I.	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	18	19.941	19.185
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	5.545.021	15.539.142
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		4.518.839	14.060.153
2.	Vay các TCTD khác		1.026.182	1.478.989
III.	Tiền gửi của khách hàng	20	66.733.261	55.553.137
IV.	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	8	34.462	-
V.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	21	1.654.912	27.394
VI.	Các khoản nợ khác	22	1.372.210	1.184.108
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		1.022.890	671.933
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác		349.320	501.196
3.	Dự phòng rủi ro khác		-	10.979
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		75.359.807	72.322.966
VII.	Vốn và các quỹ	24	7.447.563	7.271.275
1.	Vốn của TCTD		6.523.331	6.523.331
a.	Vốn điều lệ		6.460.000	6.460.000
b.	Thặng dư vốn cổ phần		63.331	63.331
2.	Quỹ của TCTD		595.103	595.103
3.	Lợi nhuận chưa phân phối		329.129	152.841
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		82.807.370	79.594.241

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02/TCTD
Đơn vị: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
I.	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	38	2.072.849	1.802.977
1.	Bảo lãnh vay vốn		507.000	507.000
2.	Thư tín dụng		412.023	243.841
3.	Bảo lãnh khác		1.153.826	1.052.136
II.	Các cam kết khác	38	6.185.274	3.340.570
1.	Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ		5.330.631	2.509.174
2.	Các hợp đồng mua bán ngoại tệ chưa đến hạn		854.643	231.396
3.	Các cam kết khác		-	600.000

Người lập


Nguyễn Thị Gấm
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Người phê duyệt




Phạm Doãn Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03/TCTD

Đơn vị: Triệu VND

STT CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	3.068.806	2.930.392
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(1.909.002)	(1.938.697)
I. Thu nhập lãi thuần		1.159.804	991.695
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		13.456	9.361
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		(161.743)	(109.885)
II. (Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	27	(148.287)	(100.524)
III. Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	8.337	(984)
IV. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	3.080
V. Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	48.070	(8.239)
5. Thu nhập từ hoạt động khác		4.362	617
6. Chi phí hoạt động khác		(52.312)	(35.124)
VI. (Lỗ) thuần từ hoạt động khác	30	(47.950)	(34.507)
VII. Chi phí hoạt động	31	(589.893)	(487.892)
VIII. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		430.081	362.629
IX. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(64.287)	(125.950)
X. Tổng lợi nhuận trước thuế		365.794	236.679
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(36.665)	(34.321)
XI. Chi phí thuế TNDN	33	(36.665)	(34.321)
XII. Lợi nhuận sau thuế TNDN		329.129	202.358
XIII. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	473	251

Người lập

Người phê duyệt

Nguyễn Thị Gấm
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Phạm Doãn Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 04/TCTD

Đơn vị: Triệu VND

STT CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.459.135	2.511.230
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.558.045)	(1.677.857)
03. Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ nhận được	(148.287)	(100.524)
04. Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	7.258	28.653
05. Thu nhập/(Chi phí) khác	(47.950)	(18.552)
06. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(540.852)	(483.932)
07. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(58.622)	(83.089)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	112.637	175.929
Những thay đổi về tài sản hoạt động	(12.562.866)	(14.192.954)
08. (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	167.955	3.596.134
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền đầu tư về kinh doanh chứng khoán	(5.691.044)	(6.308.917)
10. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.015	(3.698)
11. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(2.222.059)	(9.864.781)
12. Tăng/(Giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán và đầu tư dài hạn	(106.251)	-
13. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(4.712.482)	(1.611.692)
Những thay đổi về công nợ hoạt động	2.695.178	12.268.673
14. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN	756	5.249
15. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(9.994.121)	(2.052.625)
16. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	11.180.124	14.269.885
17. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	1.627.518	13.980
18. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	34.462	(18.419)
19. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(134.607)	90.604
20. Chi từ quỹ của tổ chức tín dụng	(18.954)	(40.001)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(9.755.051)	(1.748.352)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 04/TCTD
Đơn vị: Triệu VND

STT CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01. Mua sắm tài sản cố định	(122.010)	(68.038)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.433	656
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(120.577)	(67.382)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(129.200)	(452.200)
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(129.200)	(452.200)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(10.004.828)	(2.267.934)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	17.338.709	3.907.409
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh số 35)	7.333.881	1.639.475

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Biến động của các khoản tiền đầu tư về kinh doanh chứng khoán trong kỳ không bao gồm 50.766 triệu đồng, là giá trị của trái phiếu đặc biệt phát hành bởi Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 từ các nghiệp vụ bán một số khoản vay của Ngân hàng cho VAMC. Do đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần Tăng/Giảm các khoản cho vay khách hàng và Tăng/Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán và đầu tư dài hạn.

Người lập



Nguyễn Thị Gấm
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Người phê duyệt



Phạm Doãn Sơn
Tổng Giám đốc